

Số: 01/2021/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 06 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ
và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 62/TTr-SKHHCN ngày 30 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ và thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *g*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NNTN (BD60).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ và thẩm định
công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/2021/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc đăng ký chuyển giao công nghệ; thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư và giai đoạn quyết định đầu tư trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Những nội dung không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động chuyển giao công nghệ, thẩm định công nghệ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ là các dự án thuộc Phụ lục II và Phụ lục IIa ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.

Các từ ngữ khác sử dụng trong Quy định này thống nhất với các từ ngữ sử dụng trong Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, Luật Đầu tư năm 2014, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 4. Đăng ký chuyển giao công nghệ

Việc đăng ký chuyển giao công nghệ thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 31 của Luật chuyển giao công nghệ năm 2017.

Điều 5. Gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ

Đối với công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, nếu các bên có thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì phải gửi hồ sơ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

Điều 6. Hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi

1. Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Chuyển giao công nghệ, cụ thể:

- a) Vi phạm nội dung trong giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ;
- b) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ;
- c) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp vi phạm pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật mà Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ bị hủy bỏ hiệu lực thì phải hoàn trả Nhà nước các khoản hỗ trợ, ưu đãi đã được nhận theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Điều 7. Kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ

1. Kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận công nghệ của đơn vị có dự án đầu tư nhằm phát hiện kịp thời và xử lý những hành vi đầu tư công nghệ sai khác so với hồ sơ đã được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ, làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng sản phẩm và môi trường. Cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo kế hoạch;
- b) Khi có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ.

Điều 8. Báo cáo, thống kê hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ gửi báo cáo, thống kê về tình hình thực hiện đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.

2. Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Chương III

THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 9. Thẩm định hoặc có ý kiến công nghệ dự án đầu tư

Việc thẩm định hoặc có ý kiến công nghệ dự án đầu tư được thực hiện theo Điều 13 của Luật chuyển giao công nghệ năm 2017. Cụ thể như sau:

1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư, việc thẩm định công nghệ dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, dự án đầu tư sau đây phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:

a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao;

b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.

3. Trong giai đoạn quyết định đầu tư, việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ được thực hiện như sau:

a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ phải được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật này;

b) Dự án đầu tư xây dựng có công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Dự án đầu tư sử dụng vốn đầu tư công không có cấu phần xây dựng được thẩm định về công nghệ theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

4. Trường hợp triển khai thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt, nếu có điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ đã được thẩm định hoặc có ý kiến thì chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan đã thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ để tiến hành thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về việc điều chỉnh, thay đổi công nghệ.

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư

1. Thẩm quyền thẩm định về công nghệ của dự án đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Thẩm quyền thẩm định công nghệ đối với dự án thực hiện theo Luật Đầu tư được quy định như sau:

a) Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến về công nghệ đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Quy định này thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư và không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Quy định này thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư và không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. Thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ, cơ quan có thẩm quyền thẩm định công nghệ gồm:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng chủ trì, phối hợp với cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực cùng cấp thẩm định về công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và vốn khác.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ: Cơ quan có thẩm quyền thẩm định công nghệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 12. Nội dung giải trình về sử dụng công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư

Nội dung giải trình về sử dụng công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 16 của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

Điều 13. Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư

Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, cụ thể như sau:

1. Đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn đầu tư công, trình tự thẩm định công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

2. Đối với dự án đầu tư được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Quy định này không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến Sở Khoa học và Công nghệ để có ý kiến về công nghệ.

3. Đối với dự án đầu tư được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Quy định này không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án đầu tư đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân tỉnh để có ý kiến về công nghệ.

4. Thời hạn có ý kiến về công nghệ quy định tại Điều này là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Điều 14. Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định đầu tư

1. Trình tự thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 quy định này được thực hiện như sau:

a) Đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn đầu tư công, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản kèm theo trích lục hồ sơ có liên quan đến cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước cùng cấp về ngành, lĩnh vực để có ý kiến về công nghệ;

b) Đối với dự án nhóm A, B, C sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và vốn khác, chủ đầu tư gửi hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án tới cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng để thẩm định thiết kế cơ sở, trừ việc thẩm định phần thiết kế công nghệ; đồng thời gửi tới cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước cùng cấp về ngành, lĩnh vực với cơ quan chuyên môn về xây dựng để có ý kiến về thiết kế công nghệ;

Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng đồng thời là cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về ngành, lĩnh vực thì cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định về thiết kế cơ sở bao gồm cả thiết kế công nghệ.

c) Thời gian có ý kiến về công nghệ là 20 ngày đối với dự án nhóm A, 15 ngày đối với dự án nhóm B, 10 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp cần gia hạn thời gian có ý kiến về công nghệ thì thời gian gia hạn không quá thời hạn tương ứng quy định tại điểm này. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo cho cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc chủ đầu tư về việc gia hạn bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng đồng thời là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực thì thời hạn thẩm định thiết

kế công nghệ được tính trong thời hạn thẩm định thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Trình tự thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 của Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

3. Trình tự thẩm định công nghệ đối với dự án đầu tư quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 của Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Điều 15. Thực hiện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ dự án đầu tư

1. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư thực hiện thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư; trường hợp cần tham vấn chuyên môn thì thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

- a) Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ;
- b) Lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập.

2. Hội đồng tư vấn do cơ quan chủ trì có ý kiến về công nghệ quyết định thành lập. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Hội đồng tư vấn chịu trách nhiệm về kết luận và kiến nghị trước cơ quan thành lập hội đồng. Kết luận và kiến nghị của hội đồng phải được lập thành văn bản.

3. Thành viên hội đồng tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình và giữ bí mật thông tin liên quan đến dự án đầu tư. Ý kiến của các thành viên hội đồng phải được lập thành văn bản.

4. Kinh phí tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư được thực hiện như sau:

- a) Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư: Kinh phí do ngân sách tỉnh cân đối hàng năm cho sự nghiệp khoa học và công nghệ;
- b) Trong giai đoạn quyết định đầu tư do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư;
- c) Nội dung chi: Chi cho chuyên gia tư vấn, đánh giá; chi tổ chức Hội nghị tư vấn; chi tổ chức Hội đồng thẩm định; chi phí ăn, ở, đi lại cho các chuyên gia, thành viên hội đồng; Chi phí in ấn, tài liệu, nước uống phục vụ hội nghị tư vấn, Hội đồng thẩm định;
- e) Mức chi: Áp dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

- 1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý công nghệ;

b) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về công nghệ. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ, chuyển giao công nghệ cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao; phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ;

d) Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ; cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

đ) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình chuyển giao công nghệ, thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh;

2. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố

a) Các cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin chủ trương đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị chủ trương đầu tư tới cơ quan cơ thẩm quyền để thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư theo quy định;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ; chủ trì có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ;

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chức năng khác trong việc kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền, lĩnh vực được phân cấp quản lý;

d) Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý đẩy mạnh hoạt động áp dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ bằng vốn từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hoặc từ các nguồn vốn khác;

đ) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn thực hiện các văn bản về quản lý công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với ngành, địa phương.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đầu tư

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ theo Khoản 1 Điều 8 của Quy định này.

2. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ bảo đảm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 25 và Điều 26 của Luật Chuyển giao công nghệ

Điều 18. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc các Sở, Ban, ngành, cơ quan, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh